

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13/6/2025

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dầm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Văn Hoàng;

2. Bà Phạm Thùy Trang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Huỳnh – là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 67/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79G/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1975; địa chỉ: tổ A, ấp B, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; số điện thoại: 0963.447.839 (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Thanh P, sinh năm 1975; địa chỉ: tổ A, ấp B, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; số ĐT: 0353.943.958 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc D trình bày và yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh P do mai mối và được sự đồng ý cha, mẹ hai bên dẫn đến kết hôn vào năm 1996, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (theo giấy chứng nhận kết hôn số 45/HT, quyền số 03/02 do UBND xã V cấp ngày 31/12/2002 cho Lê Thanh P và Nguyễn Thị Ngọc D). Cuộc sống hạnh phúc vợ chồng kể từ khi kết hôn đến năm 2023 thì

phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống từ năm 2023 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn chung sống nhau được, nay chị D yêu cầu ly hôn với anh P.

- Về con chung: Chị D và anh P có 03 con chung tên Lê Thị Mỹ N, sinh ngày 09/04/1997 và Lê Thị Mỹ Q, sinh ngày 21/02/2002 (đã trưởng thành); Lê Thị Mỹ P1, sinh ngày 17/01/2008, hiện cháu P1 do chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P1 đến khi con thành niên và lao động được; không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Lê Thanh P: Vắng mặt.*

Ngày 04/4/2025, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu có đến nơi cư trú anh P để lấy lời khai nhưng không thực hiện được, lý do anh P không có mặt tại địa phương; biên bản xác minh ngày 04/4/2025 của Tòa án tại Công an xã V xác nhận anh Nguyễn Thanh P2 có nơi cư trú tổ A, ấp B, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; cùng ngày, qua biên bản xác minh của Tòa án tại ấp B, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang, cho biết, anh Nguyễn Thanh P2 có nơi cư trú theo địa chỉ như đã nêu trên, hiện không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì, mâu thuẫn giữa anh P2 với chị D xảy ra Ban ấp không biết do không trình báo.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 67/TB-TLVA ngày 03/3/2025; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 138/TB-TA ngày 04/3/2025; số 15/ TB-TA ngày 19/3/2025 và các văn bản tố tụng khác cho anh Lê Thanh P nhưng anh P vắng mặt tham gia tố tụng tại Tòa án và không cung cấp văn bản ý kiến phản hồi cho Tòa án và tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có).

Tại phiên tòa, anh Lê Thanh P vắng mặt không rõ lý do; chị Nguyễn Thị Ngọc D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48; Điều 203; Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án theo quy định tại các Điều 70, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Thanh P vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử;

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với anh Lê Thanh P.

- Về con chung: Chị D và anh P có 03 con chung tên Lê Thị Mỹ N, sinh ngày 09/04/1997 và Lê Thị Mỹ Q, sinh ngày 21/02/2002 (đã trưởng thành); Lê Thị Mỹ P1, sinh ngày 17/01/2008, hiện cháu P1 do chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Thị Mỹ P1, sinh ngày 17/01/2008 đến khi con thành niên và lao động được; anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Chị Nguyễn Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh P có địa chỉ cư trú tại: tổ A, ấp B, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn anh Lê Thanh P đã được triệu tập hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh P có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45/HT, quyển số 03/02 do UBND xã V cấp ngày 31/12/2002 cho Lê Thanh P và Nguyễn Thị Ngọc D). Hôn nhân giữa chị D và anh P là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị D khai: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023, Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc và không còn chung sống nhau từ năm 2023 đến nay. Nay, chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn sống chung với nhau được và xin ly hôn với anh P.

Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho anh P và chị D hàn gắn tình cảm, nhưng anh P vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng anh P và chị D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì không thể xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho chị D ly hôn với anh P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nuôi con chung: Chị D và anh P có 03 con chung: Lê Thị Mỹ N, sinh ngày 09/04/1997 và Lê Thị Mỹ Q, sinh ngày 21/02/2002 (đã trưởng thành); Lê Thị Mỹ P1, sinh ngày 17/01/2008, hiện cháu P1 do chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị D yêu cầu được nuôi cháu Lê Thị Mỹ P3; quá trình tố tụng, cháu Lê Thị Mỹ P1 trình bày nguyện vọng sống chung với mẹ là bà Nguyễn Thị Ngọc D khi cha, mẹ cháu ly hôn.

Để đảm bảo môi trường sống và nguyện vọng của cháu P1 không bị xáo trộn và quyền lợi mọi mặt của của con; mặt khác cháu Lê Thị Mỹ P1 trình bày nguyện vọng sống chung với mẹ là bà Nguyễn Thị Ngọc D khi cha, mẹ cháu ly hôn và cũng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Từ những nhận định trên, HĐXX: Giao cháu Lê Thị Mỹ P1, sinh ngày 17/01/2008 cho bà Nguyễn Thị Ngọc D được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con thành niên và lao động được. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này giữa chị D và anh P có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với anh Lê Thanh P.

2. *Về nuôi con chung:* Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Lê Thanh P có 03 con chung: Lê Thị Mỹ N, sinh ngày 09/04/1997 và Lê Thị Mỹ Q, sinh ngày 21/02/2002 (đã trưởng thành); chị Nguyễn Thị Ngọc D được tiếp tục nuôi dưỡng

cháu Lê Thị Mỹ P1, sinh ngày 17/01/2008 cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động; anh Lê Thanh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Ngọc D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lê Thanh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3 *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014006 ngày 25/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Chị Nguyễn Thị Ngọc D đã nộp đủ án phí. Anh Lê Thanh P không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị Ngọc D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Thanh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- Chi cục THADS thị xã Tân Châu;
- UBND xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Dầm